

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG

Số: 122/2023/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Lương, ngày 7 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 134/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng O, sinh năm 1991.

- Bị đơn: Ông Hầu Văn V, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Tổ 08, ấp M, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng thương mại cổ phần K – Phòng giao dịch số 04.

Đại diện theo giấy ủy quyền: Ông Lương Minh H, sinh năm 1979; Chức vụ: Cộng tác viên tín dụng Ngân hàng thương mại cổ phần K – Phòng giao dịch số 04

Địa chỉ: Số 349, Quốc lộ 80, khu phố Ng, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2/ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện K

Đại diện ông Nguyễn Chí H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện K.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng O và ông Hậu Văn V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giữa bà O ông V sống chung với nhau có 02 con chung tên Hậu Thị Cẩm G, sinh ngày 14/4/2008 và Hậu Thị Cẩm T, sinh ngày 01/01/2011.

Bà O ông V thỏa thuận như sau: Giao cho bà O tiếp tục nuôi dưỡng con tên Hậu Thị Cẩm T đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng con tên Hậu Thị Cẩm G đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đây cũng là nguyện vọng của cháu T được sống cùng với mẹ và cháu G được sống cùng với cha.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông V bà O đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền thăm non, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà O ông V nợ Ngân hàng thương mại cổ phần K – Phòng giao dịch số 04 số tiền 20.000.000đồng và nợ Ngân hàng chính sách, xã hội Việt Nam – phòng giao dịch huyện K số tiền 20.000.000đồng.

Bà Qanh có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về nợ chung đối với hai khoản nợ Ngân hàng thương mại cổ phần K – Phòng giao dịch số 04 số tiền 20.000.000đồng và Ngân hàng chính sách, xã hội Việt Nam – phòng giao dịch huyện K số tiền 20.000.000đồng. Bà O ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Đồng thời đại diện của Ngân hàng thương mại cổ phần K – Phòng giao dịch số 04 và Ngân hàng chính sách, xã hội Việt Nam – phòng giao dịch huyện K cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về nợ chung đối với nợ Ngân hàng thương mại cổ phần K – Phòng giao dịch số 04 số tiền 20.000.000đồng và nợ Ngân hàng chính sách, xã hội Việt Nam – phòng giao dịch huyện K số tiền 20.000.000đồng.

Về án phí: Án phí HNGD-ST là 150.000đồng, mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$. Bà O phải nộp 75.000đồng, ông V phải nộp 75.000đồng. Bà O tự nguyện nộp hết án phí, được khấu trừ vào án phí tạm nộp số tiền 1.300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006918 ngày 24/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương. Hoàn trả lại số tiền 1.150.000đồng cho bà Nguyễn Thị Hồng O.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Thị Mai